



NGÂN HÀNG TMCP NT MIỀN TÂY
127 Lý Tự Trọng, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ
Tel: (071) 731768 Fax: (071) 730958.
Http://www.westernbank.com.vn
E-mail: welcome@westernbank.com.vn

BÁO CÁO:

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2005



Cần thơ 02-2006

MỤC LỤC

Phần 1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2005	3
1. Tổng quan	3
2. Vốn điều lệ.....	3
3. Huy động vốn	4
4. Tín dụng.....	4
5. Phát triển sản phẩm, dịch vụ.....	5
6. Kết quả kinh doanh.....	6
7. Cơ cấu thu nhập	7
8. Cơ cấu tổ chức	7
9. Xây dựng hệ thống quản lý.....	9
10. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.....	9
11. Phát triển mạng lưới.....	10
12. Phát triển công nghệ	11
13. Đầu tư cơ sở hạ tầng khác.....	11
14. Báo cáo tài chính năm 2005	12

Phần 1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2005.

1. Tổng quan

Năm 2005, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Miền Tây thực sự chuyển mình và đổi mới, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong lịch sử hình thành và phát triển của mình. Ngày 19/04/2005 được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Miền Tây chuyển Hội sở chính về trung tâm Thành phố Cần Thơ; ngày 12/12/2005 chính thức đổi tên từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Cờ Đỏ thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Miền Tây (Ngân hàng Miền Tây), đồng thời tăng vốn điều lệ lên trên 52 tỉ đồng.

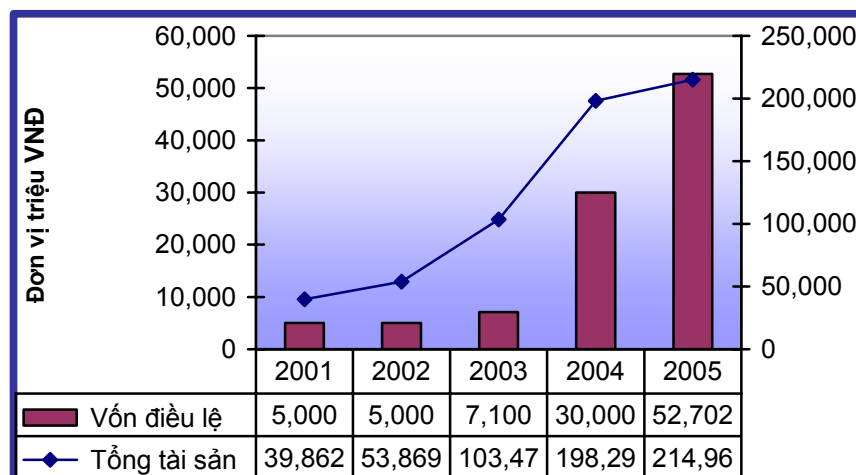
Các phòng giao dịch và cơ sở vật chất, kỹ thuật công nghệ được đầu tư nâng cấp khang trang hơn, tốt hơn và hiện đại hơn; Nhân viên được tham dự nhiều lớp đào tạo về dịch vụ khách hàng, về nghiệp vụ và sản phẩm dịch vụ ngân hàng và các kỹ năng khác như ngoại ngữ, vi tính. Các nỗ lực và kết quả đạt được trong năm 2005, cũng như định hướng phát triển trong những năm sắp tới, đã từng bước khẳng định vị trí của Ngân hàng Miền Tây là ngân hàng không chỉ của Thành phố Cần Thơ, mà còn hứa hẹn hướng đến là ngân hàng của toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long và mở rộng mạng lưới trên cả nước, với uy tín và thị phần ngày càng được nâng cao.

Năm vừa qua, mặc dù chưa được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận chuyển đổi mô hình hoạt động thành ngân hàng đô thị, nhưng với nỗ lực và quyết tâm của toàn thể nhân viên và sự quan tâm chỉ đạo, điều hành, kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành công với sự ủng hộ và trợ giúp của Ngân hàng Nhà nước Thành phố Cần Thơ, Ngân hàng Miền Tây đã đạt được các kết quả đáng khích lệ, với tổng doanh thu tăng hơn 1,5 lần so với năm 2004, đạt gần 26 tỉ và lợi nhuận trước thuế đạt hơn 8 tỉ, tăng hơn 2 lần so với năm 2004; đảm bảo cố tức theo nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2005 và được xếp loại A theo quy chuẩn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Vốn điều lệ

Với mục tiêu phấn đấu đạt được mức vốn điều lệ theo quy định, để chuyển đổi mô hình hoạt động từ nông thôn lên đô thị; Liên tục trong hai năm 2004 và 2005 Cổ đông Ngân hàng Miền Tây đã tăng vốn điều lệ với mức tăng năm 2004 là 322,54% so năm 2003, năm 2005 tăng 75,67% so năm 2004. Cuối năm 2005 đạt 52,702 tỷ đồng; và đến thời điểm báo cáo này, vốn điều lệ của Ngân hàng Miền Tây đạt hơn 71 tỷ đồng (được thể hiện qua Hình 1 dưới đây), đủ điều kiện về vốn để Ngân hàng Miền Tây chuyển đổi mô hình hoạt động từ nông thôn lên đô thị. Trong khi chờ đợi các điều kiện cụ thể từ Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Miền Tây tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đầu tư đổi mới công nghệ, chuẩn bị nguồn nhân lực, xây dựng các quy chế, quy định và quy trình theo hướng mở rộng quy mô, sẵn sàng hoạt động trên phạm vi cả nước khi nhận được giấy phép chấp thuận chuyển đổi mô hình.

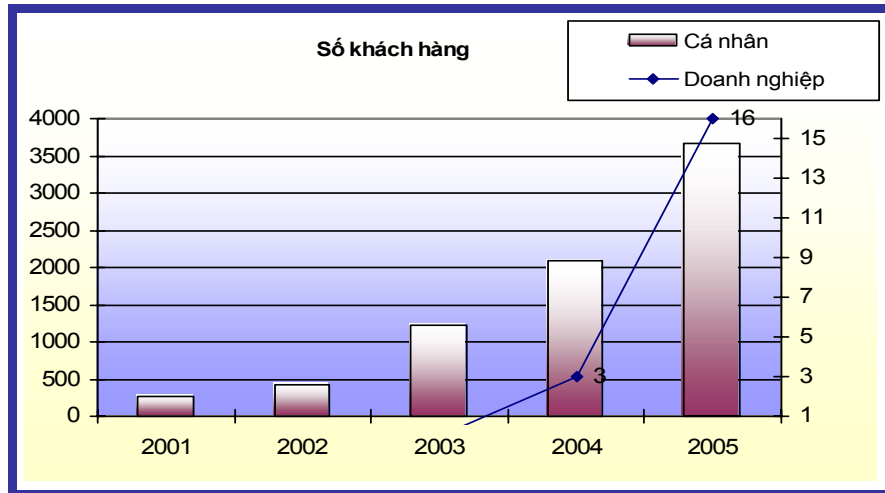
Hình.1 Sơ đồ tăng trưởng vốn điều lệ/tổng tài sản



3. Huy động vốn

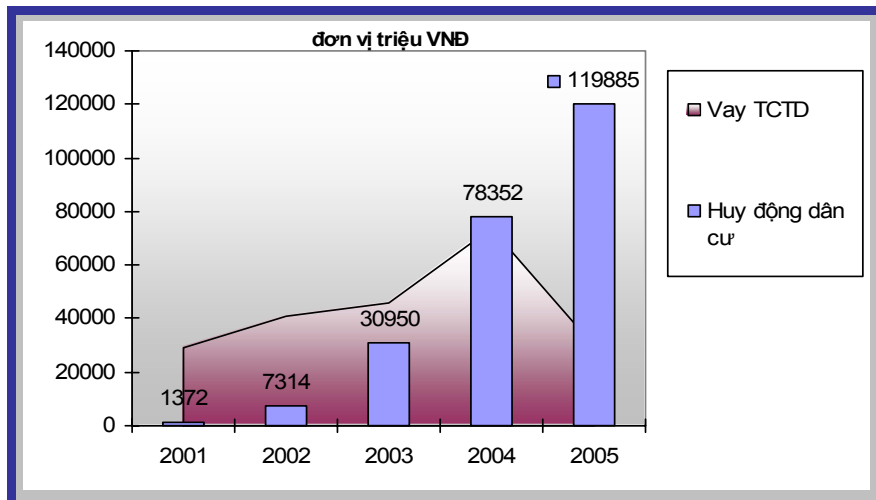
Trong các năm qua, đặc biệt trong năm 2005, với nỗ lực quảng bá tiếp thị, kết hợp với nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và dịch vụ khách hàng, nguồn vốn huy động trong dân cư của Ngân hàng Miền Tây ngày càng tăng (Hình 2), chứng tỏ sự quan tâm của khách hàng với sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng Miền Tây, qua đó cũng khẳng định được uy tín ngày càng được nâng cao của Ngân hàng Miền Tây tại thị trường Thành phố Cần Thơ, đồng thời thể hiện định hướng đúng và chính sách phù hợp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

Hình.2 Số lượng khách hàng tiền gửi qua các năm



Đồng thời với việc tăng nguồn vốn huy động từ dân cư, Ngân hàng Miền Tây chủ trương giảm dần lệ thuộc nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng khác, bằng nhiều chính sách và đa dạng nguồn huy động. Kết quả đạt được (Hình 3) qua các năm về số dư huy động từ dân cư đã phản ánh phần nào kết quả của nỗ lực này.

Hình.3 Tăng trưởng huy động vốn từ dân cư - giảm vốn vay từ tổ chức tín dụng

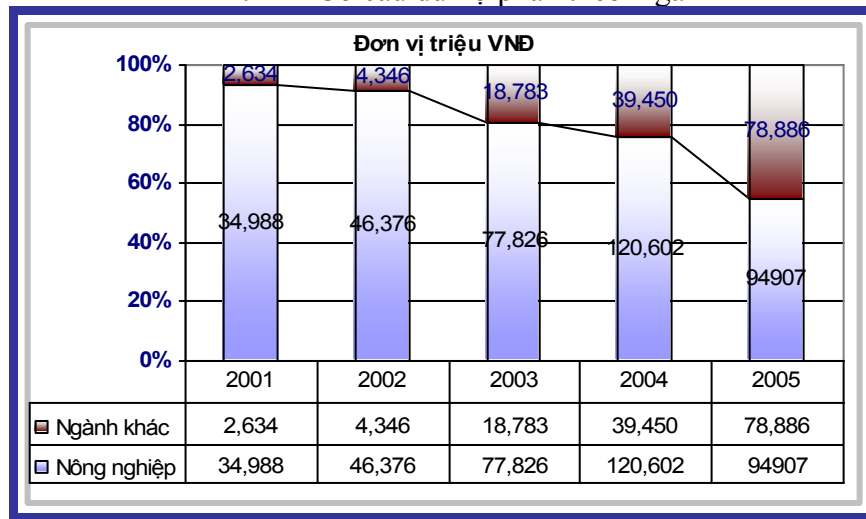


4. Tín dụng

Hoạt động tín dụng của Ngân hàng Miền Tây trong năm qua có mức tăng trưởng và cơ cấu trong phạm vi định hướng của Hội đồng Quản trị. Với mục tiêu từng bước cơ cấu lại và nâng cao chất lượng tín dụng cho từng khu vực đồng thời phát triển các sản phẩm tín dụng cá nhân, tín dụng doanh nghiệp phù hợp với quy mô phát triển của từng địa phương của Thành phố Cần Thơ và chiến lược phát triển của Ngân hàng trong những năm sắp tới khi Ngân hàng được phép chuyển đổi mô hình hoạt động từ nông thôn thành đô thị, hoạt động tín dụng đã được chỉ đạo và điều hành theo mục tiêu đề ra với kết quả dư nợ khu

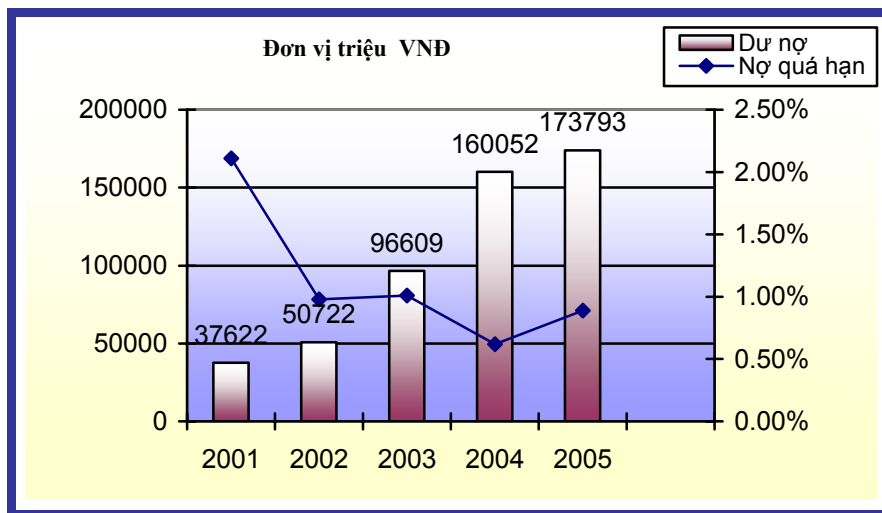
vực nông nghiệp và khu vực khác được cơ cấu theo Hình 4; và tính đến ngày 31/12/2005 tổng dư nợ đạt 173 tỷ đồng tăng 8,13% so năm 2004.

Hình.4 Cơ cấu dư nợ phân theo ngành



Hoạt động tín dụng dần từng bước được kiểm soát chặt chẽ trên cơ sở phát triển an toàn và hiệu quả, đảm bảo an toàn nguồn thu và mở rộng thị trường theo định hướng; Nợ quá hạn luôn được kiểm soát dưới 1% trên tổng dư nợ theo Hình 5.

Hình.5 Dư nợ và nợ quá hạn



5. Phát triển sản phẩm, dịch vụ

Từ trước cuối năm 2004, sản phẩm của Ngân hàng Miền Tây chỉ xoay quanh sản phẩm cho vay sản xuất nông nghiệp và nguồn thu chủ yếu từ hoạt động cho vay nông nghiệp, dẫn đến nguy cơ rủi ro cao khi khu vực nông nghiệp, nông thôn bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh. Từ cuối năm 2004 đến nay, hướng đến mục tiêu đa dạng hoá sản phẩm và dịch vụ, qua đó đa dạng hoá nguồn thu nhập và phân tán rủi ro, được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã nỗ lực phát triển mở rộng các sản phẩm bảo lãnh, chuyển tiền và dịch vụ liên kết với các ngân hàng khác như phát hành thẻ liên kết với ngân hàng Á châu (ACB); bảo hiểm nhân thọ liên kết với Prudential; bảo hiểm phi nhân thọ liên kết với Bảo Minh; ngoài ra Ngân hàng còn liên kết với các nhà sản xuất và phân phối các sản phẩm máy nông nghiệp, ô tô, xe máy để tăng nguồn thu từ dịch vụ đại lý và phát triển các sản phẩm tín dụng như cho vay mua sắm ô tô, xe máy... Ngoài các sản phẩm trên, Ngân hàng còn nỗ lực cử chuyên viên đi học và liên kết với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh TP. HCM, để nhanh chóng đưa dịch vụ thanh toán quốc tế giới

thiệt với khách hàng trong năm 2006. Kết quả một năm phát triển các sản phẩm dịch vụ mới được thể hiện qua Hình 6.

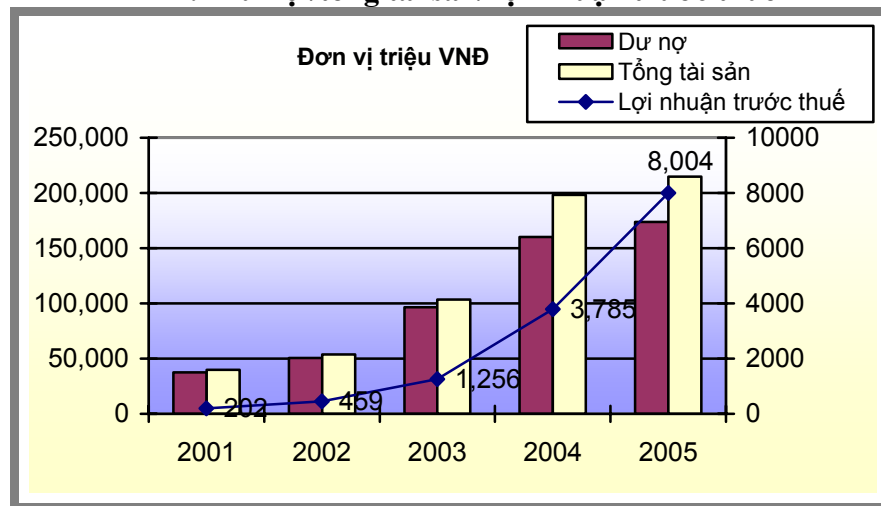
Hình.6 Phát triển sản phẩm dịch vụ

Năm	Chuyển tiền+đại lý khác	Bảo hiểm	Tín dụng tiêu dùng	Bảo lãnh	Thẻ
2002	Chưa có	Chưa có	Chưa có	Chưa có	Chưa có
2003	Bắt đầu	Bắt đầu	Chưa có	Chưa có	Chưa có
2004	Phát triển	Phát triển	Bắt đầu	Chưa có	Chưa có
2005	Phát triển	Phát triển mạnh	Phát triển	Bắt đầu	Phát hành 2.151 thẻ

6. Kết quả kinh doanh

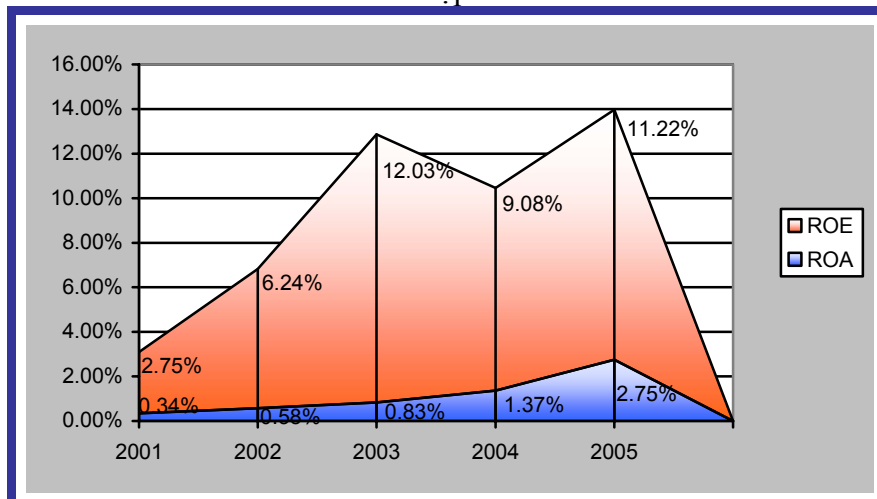
Sau một năm nỗ lực của toàn thể nhân viên Ngân hàng Miền Tây, kết quả mặc dù chưa được như kỳ vọng của Ban điều hành do nhiều trở ngại khách quan, trong đó quan trọng nhất vẫn là điều kiện chỉ được hoạt động trong phạm vi địa bàn Cần Thơ, với sản phẩm và thị trường đơn điệu trong huy động và cho vay cũng như hạn chế trong phát triển dịch vụ do mạng lưới nhỏ hẹp; Ngân hàng Miền Tây đã thu được kết quả đáng khích lệ như Hình 7.

Hình.7 Dư nợ / tổng tài sản / lợi nhuận trước thuế



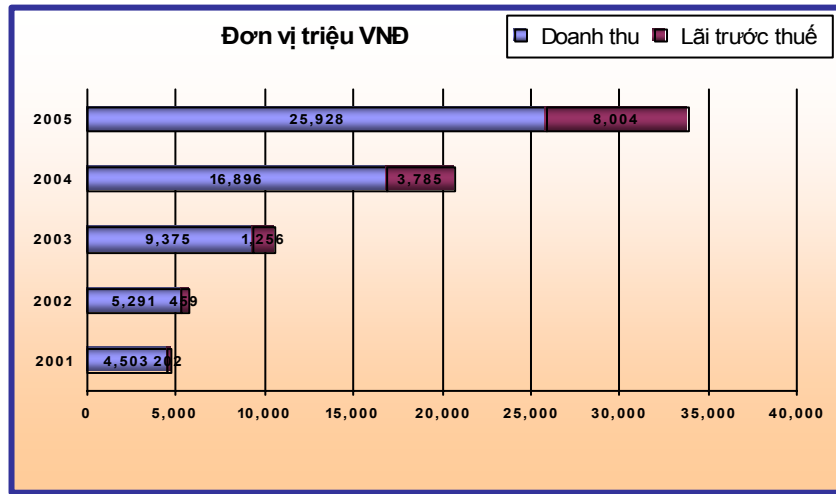
Các chỉ số tài chính cơ bản như thu nhập trên vốn chủ sở hữu và tổng tài sản cũng tăng trưởng đáng khích lệ và thể hiện phần nào chính sách nâng cao hiệu quả từ đầu tư và quản lý trong khi chưa thể mở rộng thị trường; kết quả thể hiện qua Hình 8.

Hình.8 Thu nhập ROE và ROA



Liên tục trong nhiều năm doanh thu của Ngân hàng Miền Tây tăng trưởng khá, góp phần nâng cao giá trị cho cổ đông, tăng thu nhập cho nhân viên và phát triển kinh tế xã hội tại địa phương cũng như đóng góp vào ngân sách Nhà nước; lãi và doanh thu qua các năm thể hiện qua Hình 9.

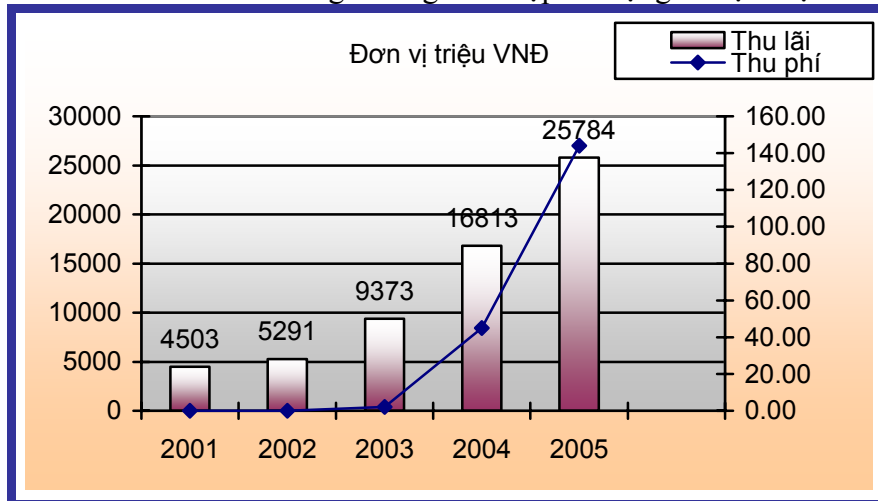
Hình.9 Lãi trước thuế so doanh thu



7. Cơ cấu thu nhập

Nỗ lực của toàn thể nhân viên Ngân hàng Miền Tây đã thể hiện qua thu nhập tăng vượt trong năm 2005, đặc biệt nguồn thu phí tín dụng đã được chú ý và phát huy trong suốt năm qua, dù còn khiêm tốn nhưng đã góp phần tăng và bổ sung cho nguồn thu từ các sản phẩm tín dụng truyền thống của Ngân hàng Miền Tây và tạo cơ sở phát triển mạnh cho những năm sắp tới, kết quả được thể hiện qua Hình 10.

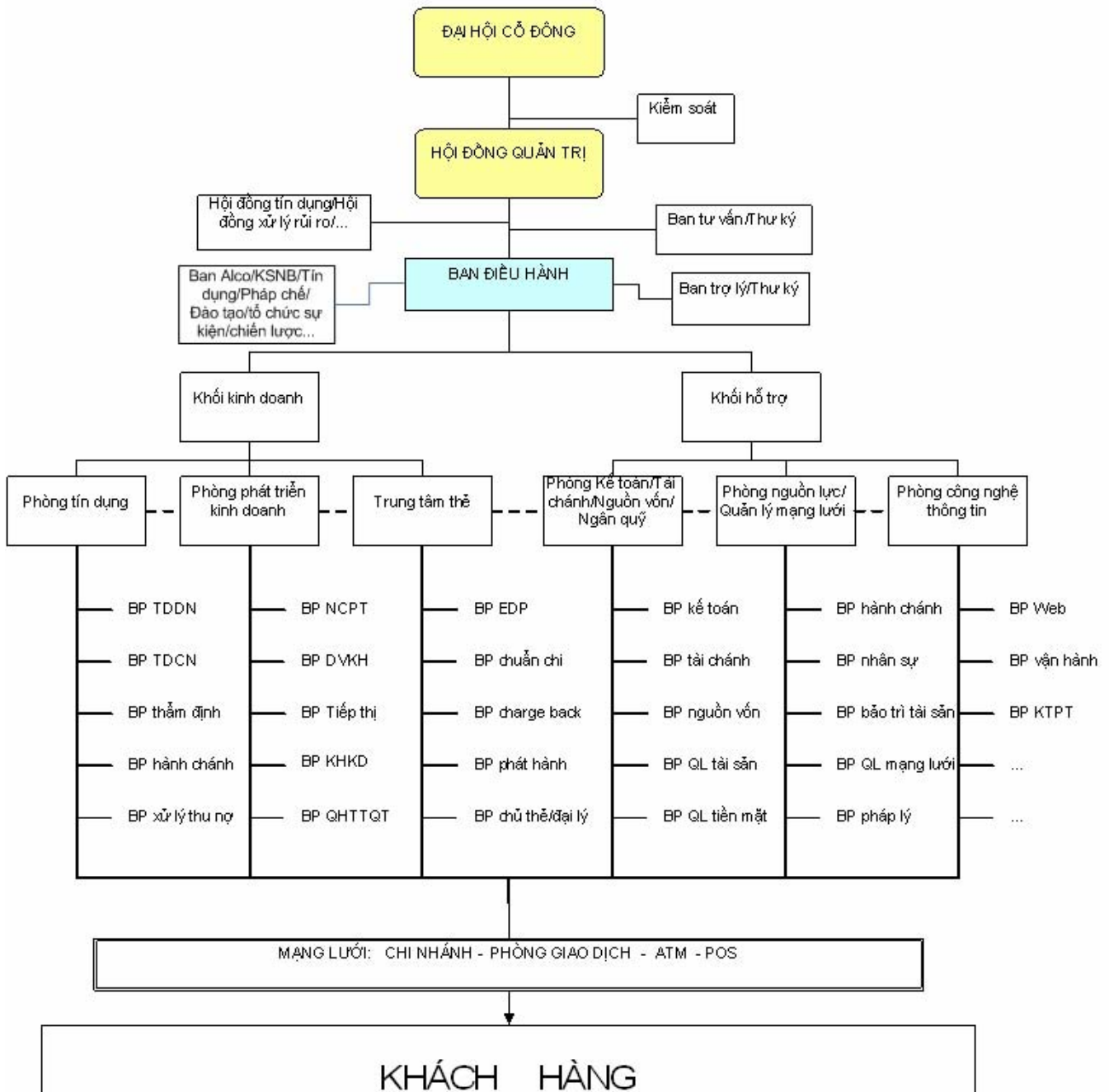
Hình.10 Tăng trưởng thu nhập tín dụng và dịch vụ



8. Cơ cấu tổ chức

Về cơ bản, trong năm 2005 đã hình thành cơ cấu tổ chức các phòng/ban/bộ phận phù hợp với hiện trạng của Ngân hàng và hướng đến mục tiêu mở rộng phát triển trong những năm sắp tới; việc tổ chức phòng/ban/bộ phận được xây dựng trên nguyên tắc phù hợp quy mô phát triển và trên cơ sở phân công, phân nhiệm cụ thể, hướng đến việc hoàn thành mục tiêu được giao; sơ đồ cơ cấu tổ chức được thể hiện qua hình 11.

Hình.11 Sơ đồ tổ chức



- Ghi chú:

- quan hệ chỉ đạo, điều hành hướng dẫn
- quan hệ hỗ trợ hợp tác
- > quan hệ phục vụ

- TDDN: tín dụng doanh nghiệp
- TDCN: tín dụng cá nhân
- KSNB: kiểm soát nội bộ
- ALCO: quản lý tài sản nợ/có

- BP: bộ phận
- NCPT: nghiên cứu phát triển
- D\VKH: dịch vụ khách hàng
- KHKD: kế hoạch kinh doanh

- QHTTQT: quan hệ thanh toán Quốc tế
- QL: quản lý
- KTPT: khai thác phát triển

- EDP: xử lý dữ liệu
- Charge back xử lý rủi ro
- ATM: máy rút tiền tự động
- POS: đại lý thẻ
- Web: dịch vụ ngân hàng trực tuyến

9. Xây dựng hệ thống quản lý

Về cơ bản Ngân hàng Miền Tây đã hoàn thành việc chỉnh sửa điều lệ trình đại hội cổ đông năm 2006 theo hướng chuyển đổi mô hình hoạt động thành ngân hàng đô thị; các hệ thống quy chế, quy định, quy trình sẽ tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện sau đại hội cổ đông khi Ngân hàng Miền Tây được phép chuyển đổi mô hình.

Trong năm 2005, Ngân hàng Miền Tây đã hoàn thành việc xây dựng chức năng, nhiệm vụ và mô tả công việc cho tất cả các Phòng/Ban/Bộ phận; toàn bộ quy trình giao dịch nghiệp vụ, giao tiếp khách hàng và nội bộ sẽ được tiếp tục hoàn thiện trong năm 2006 theo cấu trúc hệ thống phần mềm quản lý ngân hàng mới Microbank và hệ thống thẻ PRIME.

10. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

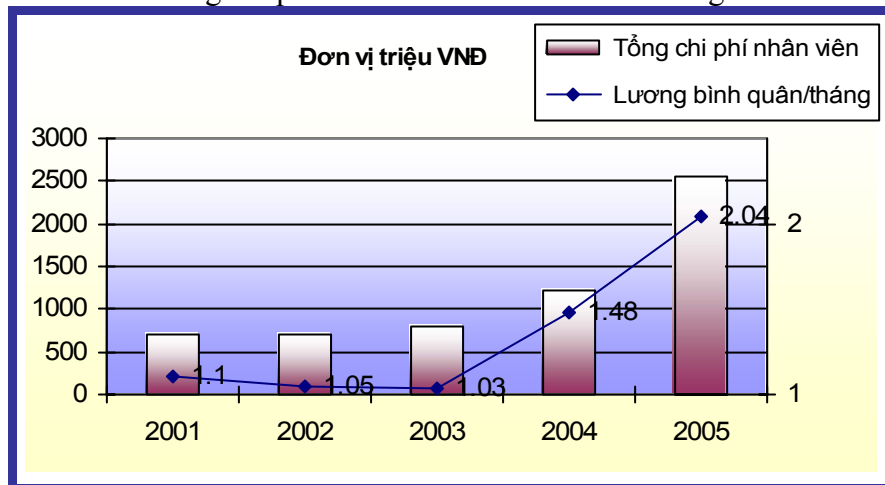
Xác định nhân lực là nền tảng đẩy mạnh phát triển Ngân hàng Miền Tây, trong năm 2005, được sự hỗ trợ của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tuyển dụng, đào tạo lại và đào tạo mới đội ngũ nhân viên phù hợp với yêu cầu phát triển của Ngân hàng Miền Tây, với tổng số hơn 150 lượt nhân viên được đào tạo qua các lớp chuyên về nghiệp vụ ngân hàng, dịch vụ khách hàng, tổ chức nhiều đợt tham quan học tập tại các ngân hàng bạn và các cuộc hội thảo chuyên đề.

Hình.12 Số lượng nhân viên qua các năm

Năm	2001	2002	2003	2004	2005
Số nhân viên	43	45	54	58	85

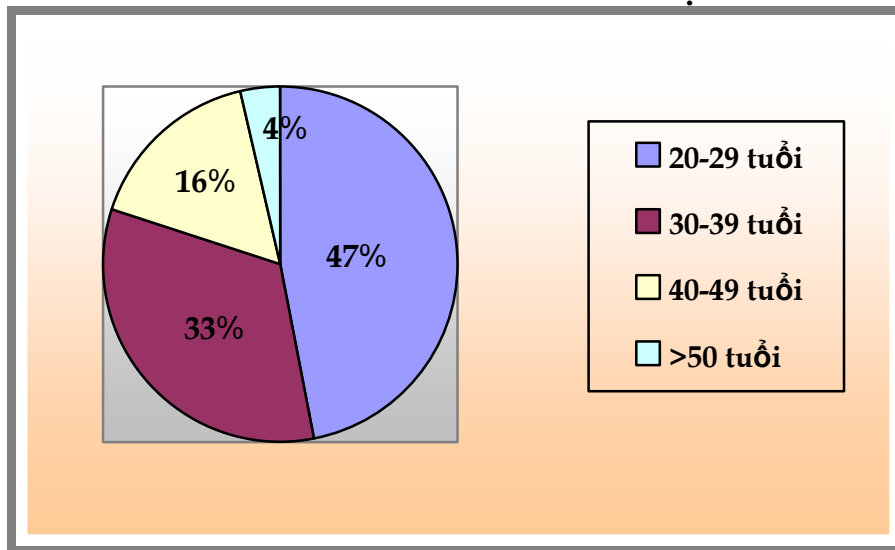
Tổng chi phí đầu tư cho nguồn nhân lực liên tục tăng qua các năm theo Hình 13, thu nhập của nhân viên cũng được quan tâm và từng bước đảm bảo phần nào cuộc sống cho nhân viên yên tâm công tác trước tình hình cạnh tranh ngày càng cao trong lĩnh vực ngân hàng.

Hình.13 Tổng chi phí đầu tư nhân viên/năm và lương nhân viên/tháng



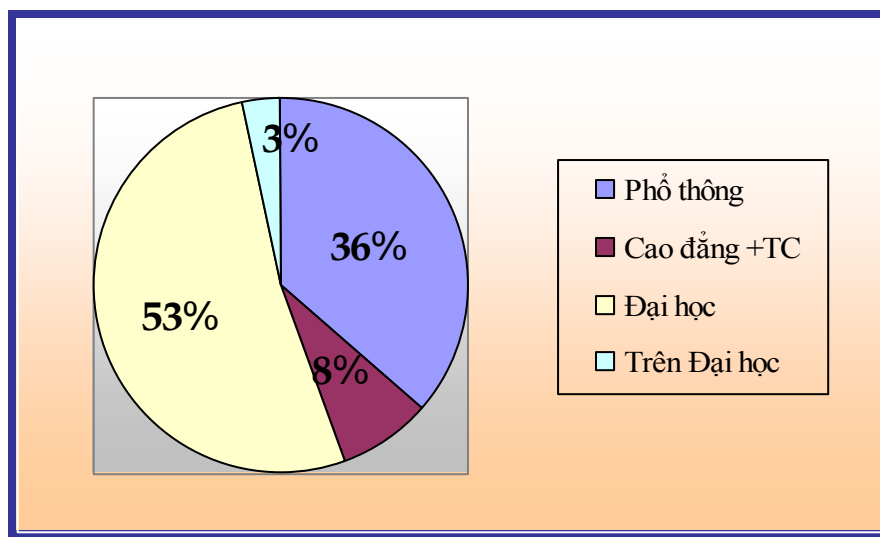
Để tạo sức bật và tăng tính năng động trong công việc hàng ngày, Ngân hàng Miền Tây đã tuyển dụng trong năm 2005 đội ngũ nhân lực trẻ có trình độ và kinh nghiệm, góp phần trẻ hoá và nâng cao năng lực chung của đội ngũ nhân viên; với cơ cấu tuổi theo Hình 14.

Hình.14 Cơ cấu nhân viên theo độ tuổi



Năm 2005, cũng là năm Ngân hàng Miền Tây tập trung chú trọng đến công tác đào tạo và nâng cao trình độ nghiệp vụ cho nhân viên, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển. Trong năm, Ngân hàng Miền Tây đã tổ chức nhiều khoá đào tạo tại Cần Thơ cũng như TP. Hồ Chí Minh với khoản trên 150 lượt nhân viên tham gia. Trình độ nghiệp vụ cũng như tác phong, thái độ phục vụ khách hàng của nhân viên được nâng lên từng bước. Công việc tuyển dụng cũng chú trọng đến trình độ đầu vào ngày càng chọn lọc hơn, kết quả trình độ chung của nhân viên tại thời điểm cuối năm 2005 được thể hiện qua Hình 15.

Hình.15 Trình độ nhân viên



11. Phát triển mạng lưới

Xác định khách hàng là đối tượng được Ngân hàng tìm hiểu và không ngừng nâng cao chất lượng và mạng lưới phục vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng, Ngân hàng đã mở rộng mạng lưới liên tục hàng năm, dù còn khiêm tốn nhưng cũng phù hợp với quy mô và đáp ứng được nhu cầu hiện tại của khách hàng. Trong năm 2006, Ngân hàng tiếp tục mở rộng mạng lưới phòng giao dịch tại tất cả các quận huyện của Cần Thơ, đồng thời nghiên cứu phát triển các kênh phân phối hiện đại như ATM, internet

banking và tiến tới mở rộng chi nhánh ra cả nước khi được phép của Ngân hàng Nhà nước. Mạng lưới phòng giao dịch của tính đến cuối năm 2005 thể hiện qua Hình 16.

Hình.16 **Phát triển mạng lưới**

Năm	2001	2002	2003	2004	2005
Số phòng giao dịch	1	2	4	5	8

12. Phát triển công nghệ

Hoạt động hiện đại hoá công nghệ ngân hàng trong năm qua được tập trung cao độ về tài chính cũng như về nhân lực. Thông qua sự hợp tác với các công ty phát triển phần mềm quản trị ngân hàng và thẻ chuyên nghiệp trong nước và quốc tế, Ngân hàng Miền Tây đã hoàn thành 90% chương trình chuyển đổi hệ thống phần mềm quản lý ngân hàng, phần đầu trong quý I/2006 sẽ hoàn thành 100% công việc và chạy chính thức phần mềm quản lý ngân hàng trực tuyến trên tất cả các phòng giao dịch vào đầu quý 2 năm 2006. Cũng trong năm 2005, được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã chính thức chọn mua phần mềm quản lý phát hành thẻ của công ty CTL (Anh quốc), và cố gắng trong quý IV/2006 sẽ phát hành thẻ và vận hành hệ thống ATM đầu tiên của Ngân hàng Miền Tây.

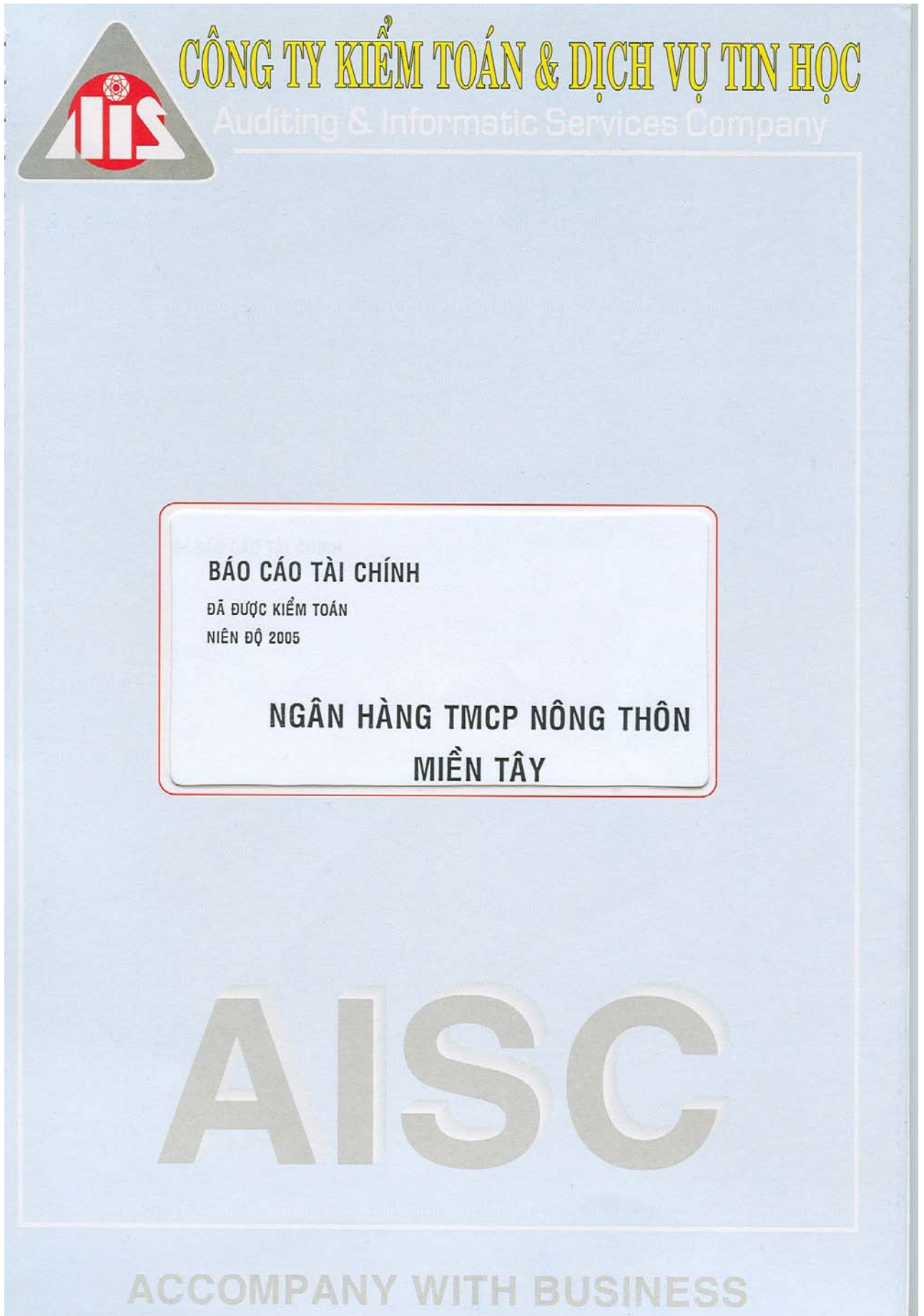
Việc triển khai hệ phần mềm Microbank và hệ thẻ PRIME, sẽ tạo cơ sở để Ngân hàng Miền Tây phát triển mạnh các sản phẩm, dịch vụ mới dựa trên nền công nghệ hiện đại trong năm 2006 như các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng qua internet, dịch vụ ngân hàng qua ATM, điện thoại di động và cố định, dịch vụ thẻ...

Cũng trong năm 2005 Ngân hàng Miền Tây đã hoàn tất và giới thiệu bước đầu website chính thức của Ngân hàng tại địa chỉ <http://www.westernbank.com.vn>; đồng thời phát triển hệ thống thư điện tử và diễn đàn trao đổi thông tin nội bộ, tạo điều kiện cho nhân viên giao lưu trực tuyến với nhau và tiếp cận với khách hàng 24/24g và 07 ngày trong tuần liên tục. Cùng với Hệ thống hội nghị truyền hình, và hệ thống internet ADSL băng thông rộng cũng được đầu tư và trang bị cho tất cả các phòng giao dịch, hỗ trợ đặc lực cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành tăng cường hiệu quả quản lý và giữ được liên lạc, giải quyết công việc trực tuyến khi cần thiết, giúp giảm đáng kể thời gian và chi phí đi lại.

13. Đầu tư cơ sở hạ tầng khác

Cùng với việc đầu tư vào nguồn nhân lực và công nghệ thông tin, trong năm qua Ngân hàng cũng tập trung nâng cấp cơ sở hạ tầng và xây dựng mới một số phòng giao dịch, cũng như mua sắm các phương tiện chuyên dùng trong hệ thống ngân hàng như xe chở tiền chuyên dùng, hệ thống báo cháy, báo động, tổng đài nội bộ và các trang thiết bị khác nhằm phục vụ khách hàng được tốt và an toàn hơn.

14. Báo cáo tài chính năm 2005



NGÂN HÀNG TMCP NÔNG THÔN MIỀN TÂY

MỤC LỤC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03
BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN	04 - 11
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	12 - 13
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	14 - 16
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	17 - 22

Ông Trần Văn Hà
 Ông Lê Văn Đức
 Ông Nguyễn Văn Cường
 Ông Lê Văn Xuân

Ông Tống Văn Đức
 Ông Tống Văn Đức
 Ông Tống Văn Đức
 Ông Tống Văn Đức

1. Những hoạt động chính và tình hình kinh doanh của Ngân hàng Nông thôn Miền Tây trong năm 2005

Ngân hàng TMCP Nông thôn Miền Tây (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) là ngân hàng thành lập theo Quyết định số 150/1998/QĐ-TC của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 15/01/1998 thay thế cho Ngân hàng Nông thôn Miền Tây (sau đây gọi tắt là Ngân hàng cũ) theo Quyết định số 150/1998/QĐ-TC của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 15/01/1998. Từ năm hoạt động là 20 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động.

Ngân hàng có vốn kinh doanh là 100% vốn của Nhà nước. Ngân hàng có trụ sở chính tại Thành phố Cần Thơ và chi nhánh tại các tỉnh, thành phố thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Ngân hàng hoạt động kinh doanh theo mô hình kinh doanh ngân hàng thương mại cổ phần. Ngân hàng có các loại hình kinh doanh ngân hàng thương mại cổ phần, kinh doanh tài chính, kinh doanh ngoại hối, kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh chứng khoán, kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ tài chính khác.

Ngân hàng là thành viên của Ngân hàng Liên kết tại Việt Nam và Ngân hàng Liên kết tại Đông Nam Á. Ngân hàng là thành viên của Ngân hàng Liên kết tại Việt Nam và Ngân hàng Liên kết tại Đông Nam Á.

2. Tài sản của Ngân hàng

Tổng tài sản	22.225.120.222 VND
Tổng nợ vay	17.000.120.122 VND
Vốn chủ sở hữu	5.225.000.100 VND

NGÂN HÀNG TMCP NÔNG THÔN MIỀN TÂY

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày 31 tháng 12 năm 2005.

Hội Đồng Quản Trị trình bày báo cáo này kết hợp với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Ngân Hàng TMCP Nông Thôn Miền Tây cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005.

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc

✧ Thành viên Hội Đồng Quản Trị đang tại chức vào ngày lập báo cáo này bao gồm

- Ông Lại Hiến Trí	Chủ Tịch HĐQT
- Ông Đinh Ngọc Sơn	Thành viên
- Ông Nguyễn Nguyễn Cầu	Thành viên
- Ông Chung Anh Quang	Thành viên
- Bà Lâm Thị Chinh	Thành viên

✧ Thành viên Tổng Ban Giám Đốc đang tại chức vào ngày lập báo cáo này bao gồm

- Ông Đinh Ngọc Sơn	Tổng Giám Đốc
- Ông Trần Ngọc Hà	Phó Tổng Giám Đốc
- Ông Trần Đước	Phó Tổng Giám Đốc
- Ông Nguyễn Hùng Liệt	Phó Tổng Giám Đốc
- Ông Lê Nguyễn Trần Huấn	Phó Tổng Giám Đốc

2. Những hoạt động chính và thay đổi đáng lưu ý đối với việc kinh doanh

Ngân hàng TPCP Nông Thôn Miền Tây (Ngân hàng) được thành lập theo giấy phép số 003366-GP/TLDN-03 do UBND tỉnh Cần Thơ cấp ngày 15/01/1996 (thay cho giấy phép thành lập số 124/NH D9KKD ngày 28/04/1992 do UBND tỉnh Cần Thơ cấp). Ngân hàng hoạt động theo giấy phép số 0016/NH-GP do Thống Đốc Ngân Hàng nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/04/1992. Thời gian hoạt động là 20 năm kể từ ngày cấp phép hoạt động.

Hình thức sở hữu vốn: vốn cổ phần, vốn điều lệ ban đầu của ngân hàng là 300.000.000 đồng Việt Nam. Vốn điều lệ đến thời điểm lập báo cáo này là: 52.702.000.000 đồng Việt Nam theo công văn chuẩn y số 27/NHNN.CTH7 ngày 12/04/2005 của ngân hàng nhà nước TP Cần Thơ.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ tiền tệ và dịch vụ ngân hàng đối với các cá nhân, tổ chức sản xuất và kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế, chủ yếu là lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Hiện nay, trụ sở chính của ngân hàng đặt tại 127 đường Lý Tự Trọng, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ; 1 chi nhánh tại đường mé sông, Thị Trấn Cờ Đỏ, Huyện Cờ Đỏ, TP Cần Thơ và 1 phòng giao dịch đặt tại thị trấn Thới Lai, Huyện Cờ Đỏ, TP Cần Thơ và 4 phòng giao dịch đặt tại TP. Cần Thơ và 1 phòng giao dịch tại Thị Trấn Ô Môn, Quận Ô Môn, TP Cần Thơ, 1 tại Thị Trấn Thốt Nốt, Huyện Thốt Nốt, TP Cần Thơ.

3. Kết quả năm tài chính

✧ Tổng thu nhập	25.928.105.822	VND
✧ Tổng chi phí	17.924.188.125	VND
✧ Lãi trước thuế	8.003.917.697	VND

NGÂN HÀNG TMCP NÔNG THÔN MIỀN TÂY

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày 31 tháng 12 năm 2005.

4. Tài sản hiện tại

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên Hội Đồng Quản Trị nhận thấy không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho các giá trị về tài sản hiện tại được nêu trong báo cáo tài chính thay đổi theo hướng không đúng.

5. Các khoản ngoài bảng cân đối tài chính

* Tiền không có giá trị lưu hành	360.000	VND
* Cam kết bảo lãnh cho khách hàng	3.044.400.000	VND
* Lãi cho vay chưa thu được	766.060.173	VND
* Nợ tổn thất đang thời gian theo dõi	1.081.057.910	VND
* Tài sản thế chấp, cầm cố của khách hàng	473.417.179.426	VND

6. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán và dịch vụ tin học TP.HCM (AISC) được chỉ định thực hiện kiểm toán Công ty cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2005.

7. Báo cáo Ban Tổng Giám Đốc

Theo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị, chúng tôi nhận thấy rằng các Báo cáo tài chính đính kèm xét trên phương diện trọng yếu, đã được soạn thảo và trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân Hàng TTMCP Nông Thôn Miền Tây cho niên độ kết thúc 31/12/2005.

Cần Thơ, ngày 12 tháng 01 năm 2006

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị



Ông LẠI HIỂN TRÍ

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị



CÔNG TY KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC

Auditing & Informatic Services Company

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel : (84.8) 9305163 (10 Lines) Fax : (84.8) 9304281
Email : aisc@hcm.vnn.vn

SỐ: 05422 /AISC-DN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NIÊN ĐỘ 2005 TRÌNH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG TMCP NÔNG THÔN MIỀN TÂY

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối tài chính vào ngày 31/12/2005, báo cáo kết quả kinh doanh và thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2005 của Ngân hàng TMCP Nông thôn Miền Tây từ trang 04 đến trang 22.

Việc soạn thảo và lập các báo cáo tài chính thuộc về trách nhiệm của Ban Giám Đốc của Quý Ngân hàng. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Cơ sở của việc kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Chúng tôi lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán nhằm đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Trên căn bản thử nghiệm, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến các số liệu, các công bố trên báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc, phương pháp kế toán đã được áp dụng, các ước tính, xét đoán quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Giám Đốc cũng như đánh giá sự trình bày đầy đủ các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Trong niên độ 2005, Ngân hàng vẫn đang áp dụng phương pháp ghi nhận doanh thu và chi phí theo nguyên tắc thực thu, thực chi; quý I năm 2005 ngân hàng trích lập, xử lý, hoàn nhập dự phòng theo hướng dẫn của QĐ 488/2000/QĐ-NHNN5 ngày 27/11/2000 của Thống Đốc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam; từ quý II đến quý IV năm 2005 ngân hàng trích lập, xử lý, hoàn nhập dự phòng theo hướng dẫn của QĐ 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 của Thống Đốc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính đã trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Nông Thôn Miền Tây cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005 và phù hợp với chế độ kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên

Phan Quang Đức

Chứng chỉ kiểm toán viên

số: 0527 /KTV

Do Bộ Tài Chính Việt nam cấp.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2006

Giám Đốc AISC



Nguyễn Hữu Trí

Chứng chỉ kiểm toán viên

số: 0478 /KTV

Do Bộ Tài Chính Việt nam cấp.

Branch in Ha Noi : 39 B Thuy Khue - Tay Ho Dist - Ha Noi Tel : (04) 8473961 Fax : (04) 8236697

Branch in Da Nang : 92 A Quang Trung - Da Nang Tel/Fax : (0511) 895619

Representative in Hai Phong : 4 C Tran Hung Dao - Hai Phong Tel : (031) 825208

Representative in Can Tho : 64 Nam Ky Khoi Nghia - Can Tho Tel : (071) 813004 Fax : (071) 828765

3

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	31/12/2004	31/12/2005
I. TIỀN MẶT TẠI QUỸ	1.795.196.376	1.037.591.465
1. Tiền mặt bằng đồng Việt Nam	1.795.196.376	1.037.591.465
II. TIỀN MẶT GỬI TẠI NHNN	26.794.459.839	2.383.182.409
1. Tiền gửi thanh toán tại NHNN	26.794.459.839	2.383.182.409
III. TIỀN GỬI TẠI CÁC TCTD TRONG NƯỚC VÀ Ở NƯỚC NGOÀI	4.442.105.015	16.524.901.434
<i>A. Các khoản đầu tư và quyền đòi nợ trong nước</i>	<i>4.442.105.015</i>	<i>16.524.901.434</i>
1. Tiền gửi không kỳ hạn tại các TCTD	4.442.105.015	16.524.901.434
<i>B. Các khoản đầu tư và quyền đòi nợ nước ngoài</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
IV. CHO VAY TRONG NƯỚC	160.051.098.466	173.169.429.395
<i>A. Cho vay đối với các TCTD</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>B. Cho vay đối với các tổ chức kinh tế, cá nhân</i>	<i>160.018.387.466</i>	<i>173.169.429.395</i>
1. Dư nợ cho vay trong hạn và đã được gia hạn nợ	159.034.262.506	173.173.879.995
2. Dư nợ quá hạn	984.550.000	618.890.400
3. Dự phòng phải thu khó đòi	(425.040)	(623.341.000)
<i>C. Các khoản nợ chờ xử lý</i>	<i>32.711.000</i>	<i>-</i>
1. Các khoản nợ chờ xử lý đã có tài sản xiết nợ	12.000.000	-
2. Các khoản nợ có TSTC liên quan đến vụ án	20.711.000	-
V. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ	1.032.200.000	12.246.600.000
1. Góp vốn liên doanh	-	11.000.000.000
2. Trái phiếu kho bạc	1.032.200.000	1.246.600.000
VI. Tài sản	1.589.422.423	2.451.788.778
1. Tài sản cố định	1.589.422.423	2.451.788.778
- Nguyên giá tài sản cố định	2.172.112.046	3.154.936.219
- Hao mòn tài sản cố định	(582.689.623)	(703.147.441)
2. Tài sản khác	-	-
VII. TÀI SẢN CÓ KHÁC	2.591.929.374	6.528.933.744
1. Các khoản phải thu khác	544.547.982	3.363.293.138
2. Các phải thu nội bộ bằng đồng Việt Nam	1.440.986.940	2.676.962.795
3. Tài sản có khác	606.394.452	488.677.811
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	198.296.411.493	214.342.427.225

NGÂN HÀNG TMCP NÔNG THÔN MIỀN TÂY

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

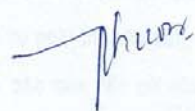
Ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	31/12/2004	31/12/2005
I. TIỀN GỬI CỦA KBNN VÀ CÁC TCTD KHÁC	2.067.072.491	38.686.262
1. Tiền gửi của KBNN	-	-
2. Tiền gửi của các TCTD khác	2.067.072.491	38.686.262
II. TIỀN VAY TỪ NHNN VÀ CÁC TCTD KHÁC	73.700.000.000	20.000.000.000
1. Tiền vay từ NHNN	-	-
2. Tiền vay từ các TCTD khác trong nước	73.700.000.000	20.000.000.000
III. TIỀN GỬI CỦA CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ VÀ DÂN CƯ	88.351.900.687	122.442.116.295
1. Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng đồng Việt Nam	409.932.401	4.464.172.066
2. Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam	87.941.968.286	117.977.944.229
IV. VỐN TÀI TRỢ ỦY THÁC ĐẦU TƯ	-	10.000.000.000
V. TÀI SẢN NỢ KHÁC	39.282.237	261.194.540
1. Các khoản phải trả khác	30.832.237	46.450.540
2. Các khoản phải trả nội bộ	8.450.000	214.744.000
VI. VỐN VÀ QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG	34.138.156.078	61.600.430.128
1. Vốn điều lệ	30.000.000.000	52.702.000.000
2. Vốn đầu tư tư XDCB, mua sắm TSCĐ	-	-
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	119.661.527	255.941.404
4. Quỹ đầu tư phát triển	2.116.466	2.116.466
5. Quỹ dự phòng tài chính	194.188.876	448.665.844
6. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc	36.172.493	177.027.913
7. Quỹ khác	464.572	10.760.804
8. Lãi (lỗ) năm trước	3.785.552.144	-
9. Lãi (lỗ) năm nay	-	8.003.917.697
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	198.296.411.493	214.342.427.225

Cần Thơ, ngày 12 tháng 01 năm 2006

Kế Toán Trưởng



Đặng Thị Hoàng Phượng

Tổng Giám Đốc



Đinh Ngọc Sơn

NGÂN HÀNG TMCP NÔNG THÔN MIỀN TÂY
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: VND

I. LÃI - LỖ:

Chỉ tiêu	Năm 2005
I. Thu từ lãi	25.710.748.621
1 Thu lãi cho vay	24.794.185.527
2 Thu lãi tiền gửi	607.099.549
3 Thu từ tham gia thị trường tiền tệ	162.200.000
4 Thu lãi khác	3.335.000
5 Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	40.232.772
6 Thu từ dịch vụ thanh toán	10.216.898
7 Thu từ dịch vụ ngân quỹ	914.931
8 Thu từ nghiệp vụ ủy thác & đại lý	40.876.599
9 Thu khác về hoạt động tín dụng	51.687.345
II. Chi trả lãi	11.536.374.513
1 Chi trả lãi tiền gửi	7.510.474.016
2 Chi trả lãi tiền đi vay	3.855.538.028
3 Chi phí khác	170.362.469
III. Thu nhập ròng từ lãi	14.174.374.108
IV. Thu nhập khác ngoài lãi	217.357.201
1 Các khoản thu nhập bất thường phải thu	217.357.201
V. Chi phí khác ngoài lãi	6.387.813.612
1 Chi về hoạt động thanh toán và ngân quỹ	33.978.133
2 Chi nộp thuế, phí và lệ phí	30.681.100
3 Chi phí cho nhân viên	2.592.012.992
4 Chi hoạt động quản lý và công vụ	1.643.293.289
5 Chi khác về tài sản	872.668.262
6 Chi khấu hao cơ bản tài sản cố định	251.023.162
7 Chi dự phòng nợ phải thu khó đòi	824.676.960
8 Chi bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	124.134.074

Các báo cáo này là phần không thể tách rời của các thuyết minh từ trang 18 đến trang 22

NGÂN HÀNG TMCP NÔNG THÔN MIỀN TÂY
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: VND

I. LÃI - LỖ:

Chỉ tiêu	Năm 2005
9 Chi phí khác	15.345.640
VI. Thu nhập ròng ngoài lãi	(6.170.456.411)
VII. Thu nhập trước thuế	8.003.917.697

Cần Thơ, ngày 12 tháng 01 năm 2006

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc



Đặng Thị Hoàng Phượng



Đinh Ngọc Sơn

NGÂN HÀNG TMCP NÔNG THÔN MIỀN TÂY

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	31.12.2004	Số phải nộp	Số đã nộp	31.12.2005
I. THUẾ	(543.803.746)	591.246.026	435.593.397	(388.151.117)
1. Thuế VAT	744.236	14.077.944	10.143.296	4.678.884
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
3. Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	-
4. Thuế thu nhập	(544.547.982)	544.547.982	400.000.001	(400.000.001)
5. Thu sử dụng vốn ngân sách	-	-	-	-
6. Môn bài	-	8.800.000	8.800.000	-
7. Thuế nhà đất	-	14.726.500	14.726.500	-
8. Tiền thuế thuê mặt đất, mặt nước	-	201.600	201.600	-
9. Các loại thuế khác	-	8.892.000	1.722.000	7.170.000
II. CÁC KHOẢN PHẢI NỘP KHÁC	-	-	-	-
1. Các khoản phụ thu	-	-	-	-
2. Các khoản phí, lệ phí	-	-	-	-
3. Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-

Thuế sẽ được quyết toán với cơ quan thuế

Kế Toán Trưởng



Đặng Thị Hoàng Phượng

Cần Thơ, ngày 12 tháng 01 năm 2006

Tổng Giám Đốc



Đinh Ngọc Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính năm 2005 của Ngân hàng TMCP Nông Thôn Miền Tây (Ngân hàng).

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- ◆ Giấy phép thành lập và hoạt động, thời gian có giá trị:
 - Ngân hàng TMCP Nông Thôn Miền Tây (Ngân hàng) được thành lập theo giấy phép số 003366-GP/TLDN-03 do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Cần Thơ cấp ngày 15/01/1996 (thay cho giấy phép thành lập số 124/NH-ĐKKD ngày 28/04/1992 do UBND tỉnh Cần Thơ cấp). Ngân hàng hoạt động theo giấy phép số 0016/NH-GP do Thống Đốc Ngân Hàng Nhà Nước cấp ngày 06 tháng 04 năm 1992.
 - Hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng đối với các cá nhân, tổ chức sản xuất và kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế, chủ yếu là lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;
 - Thời gian hoạt động là 20 năm kể từ ngày được cấp phép hoạt động.
- ◆ Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.
- ◆ Thành phần Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát:
 - *Hội đồng Quản trị:*

1. Ông Lại Hiến Trí		Chủ tịch HĐQT
2. Ông Đinh Ngọc Sơn		Thành viên HĐQT
3. Ông Nguyễn Nguyên Cầu		Thành viên HĐQT
4. Ông Chung Anh Quang		Thành viên HĐQT
5. Bà Lâm Thị Chinh		Thành viên HĐQT
 - *Ban kiểm soát:*

1. Ông Nguyễn Quan Quận		Trưởng ban kiểm soát
2. Ông Nguyễn Văn Đông		Thành viên
3. Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hồng		Thành viên
- ◆ Thành phần Ban Tổng Giám Đốc:

1. Ông Đinh Ngọc Sơn		Tổng Giám đốc
2. Ông Trần Ngọc Hà		Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Trần Được		Phó Tổng Giám đốc
4. Ông Nguyễn Hùng Liệt		Phó Tổng Giám đốc
5. Ông Lê Nguyễn Trần Huấn		Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2005

- ◆ Trụ sở chính của Ngân hàng đặt tại 127 đường Lý Tự Trọng, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.
 - Phòng giao dịch Cờ Đỏ đặt tại Đường Mé Sông, Thị Trấn Cờ Đỏ, Huyện Cờ Đỏ, TP Cần Thơ
 - Phòng giao dịch Thới Lai – Huyện Cờ Đỏ – TP Cần Thơ.
 - Phòng giao dịch số 2 – TP Cần Thơ.
 - Phòng giao dịch Hùng Vương – TP Cần Thơ.
 - Phòng giao dịch Đại Học – TP Cần Thơ
 - Phòng giao dịch Trà Nóc – TP Cần Thơ
 - Phòng giao dịch Thị Trấn Ô Môn – Quận Ô Môn – TP Cần Thơ.
 - Phòng giao dịch Thị Trấn Thốt Nốt – Huyện Thốt Nốt– TP Cần Thơ.
- ◆ Tổng số cán bộ công nhân viên là 85 người.

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 2.1- Hệ thống tài khoản kế toán: Ngân hàng áp dụng hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/04/2004.
- 2.2- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01; kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2.3- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam. Hoạt động kinh doanh của ngân hàng không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ.
- 2.4- Phương pháp kế toán tài sản cố định:
 - Nguyên tắc đánh giá tài sản: Theo nguyên giá và giá trị còn lại của Tài sản cố định.
 - Khấu hao: Khấu hao được tính dựa trên nguyên giá của Tài sản cố định, và theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao hàng năm được áp dụng phù hợp với Quyết định số 206/QĐ/BTC ban hành ngày 30/12/2003 của Bộ Tài Chính.
- 2.5- Phương pháp trích lập, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và hoàn nhập các khoản dự phòng: quý I năm 2005 ngân hàng trích lập, xử lý, hoàn nhập dự phòng theo hướng dẫn của QĐ 488/2000/QĐ-NHNN5 ngày 27/11/2000 của Thống Đốc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam; từ quý II đến quý IV năm 2005 ngân hàng trích lập, xử lý, hoàn nhập dự phòng theo hướng dẫn của QĐ 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 của Thống Đốc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam
- 2.6- Phương pháp kế toán ghi nhận thu nhập và chi phí: Thu nhập từ lãi cho vay và chi phí lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở **Thực thu, thực chi**.

NGÂN HÀNG TMCP NÔNG THÔN MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: đồng

3 - MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3.1 Tình hình tăng giảm TSCĐ

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa vật kiến trúc	MMTB DCQL	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
I. NGUYÊN GIÁ					
Số đầu kỳ	472.500.000	241.199.482	256.083.314	1.202.329.250	1.361.001.671
Tăng do mua mới		49.155.000	305.949.507	807.736.650	1.162.841.157
Giảm do thanh lý			79.329.984	100.687.000	180.016.984
Số cuối kỳ	472.500.000	290.354.482	482.702.837	1.909.378.900	3.154.936.219
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số đầu kỳ	-	119.932.755	89.793.343	372.963.525	582.689.623
Tăng trong kỳ		11.297.959	65.109.507	174.615.696	251.023.162
Giảm trong kỳ			51.484.344	79.081.000	130.565.344
Số cuối kỳ	-	131.230.714	103.418.506	468.498.221	703.147.441
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu kỳ	472.500.000	121.266.727	166.289.971	829.365.725	1.589.422.423
Số cuối kỳ	472.500.000	159.123.768	379.284.331	1.440.880.679	2.451.788.778

3.2 - Tình hình thu nhập của công nhân viên

Chỉ tiêu	Năm 2005
<i>Tổng số cán bộ công nhân viên: 85 người</i>	
Tổng quỹ lương	2.052.954.768
Tiền thưởng	86.980.000
Tổng thu nhập	2.139.934.768
Tiền lương bình quân (VNĐ/người/tháng)	2.012.701
Thu nhập bình quân (VNĐ/người/tháng)	2.097.975

3.3 - Tình hình nợ quá hạn của tổ chức tín dụng

Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ
		Tăng	Giảm	
Tổng số dư	160.051.523.506	217.963.100.300	204.221.853.411	173.792.770.395
Các khoản nợ cho vay quá hạn	984.550.000	2.275.973.100	1.705.511.900	1.555.011.200
Nợ dưới tiêu chuẩn		840.470.800	242.067.300	598.403.500
Nợ nghi ngờ		421.717.300	84.000.000	337.717.300
Nợ có khả năng mất vốn	984.550.000	1.013.785.000	1.379.444.600	618.890.400
Tỷ lệ nợ quá hạn trên tổng dư nợ	0,62%			0,89%

Các thuyết minh này là phần không thể tách rời của các báo cáo từ trang 04 đến trang 16

NGÂN HÀNG TMCP NÔNG THÔN MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: đồng

3.4. Tình hình Tăng, giảm nguồn vốn và sử dụng vốn

Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ
		Tăng	Giảm	
PHẦN NGUỒN VỐN	198.296.411.493	1.536.159.662.821	1.520.113.647.089	214.342.427.225
I. VỐN HUY ĐỘNG	164.158.255.415	471.812.756.520	483.229.014.838	152.741.997.097
1. Tiền gửi	90.418.973.178	327.346.738.830	295.284.909.451	122.480.802.557
<i>Tiền gửi của các tổ chức kinh tế</i>	<i>12.224.330.859</i>	<i>78.028.047.372</i>	<i>86.586.831.651</i>	<i>3.665.546.580</i>
Tiền gửi thanh toán không kỳ hạn	224.330.859	61.920.047.372	58.978.831.651	3.165.546.580
Tiền gửi có kỳ hạn	12.000.000.000	16.108.000.000	27.608.000.000	500.000.000
<i>Tiền gửi tiết kiệm</i>	<i>78.194.642.319</i>	<i>249.318.691.458</i>	<i>208.698.077.800</i>	<i>118.815.255.977</i>
Tiền gửi không kỳ hạn	837.311.748	13.536.179.902	13.799.733.529	573.758.121
Tiền gửi có kỳ hạn	77.357.330.571	235.782.511.556	194.898.344.271	118.241.497.856
2. Tiền vay các TCTD trong nước	73.700.000.000	81.000.000.000	134.700.000.000	20.000.000.000
3. Vốn tài trợ ủy thác đầu tư	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
4. Khoản phải trả khác	39.282.237	53.466.017.690	53.244.105.387	261.194.540
II. VỐN VÀ CÁC QUỸ	30.316.431.441	23.200.211.077	97.158.000	53.419.484.518
1. Vốn của TCTD	30.000.000.000	22.702.000.000	-	52.702.000.000
Vốn điều lệ	30.000.000.000	22.702.000.000		52.702.000.000
2. Các quỹ của TCTD	316.431.441	498.211.077	97.158.000	717.484.518
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	119.661.527	136.279.877	-	255.941.404
Quỹ đầu tư phát triển	2.116.466	-	-	2.116.466
Quỹ dự phòng tài chính	194.188.876	254.476.968	-	448.665.844
Quỹ khác	464.572	107.454.232	97.158.000	10.760.804
III. NGUỒN VỐN KHÁC	3.821.724.637	1.041.146.695.224	1.036.787.474.251	8.180.945.610
PHẦN SỬ DỤNG VỐN	198.296.411.493	1.667.091.228.399	1.651.045.212.667	214.342.427.225
1. Tiền mặt và Ngân phiếu thanh toán	1.795.196.376	888.191.926.936	888.949.531.847	1.037.591.465

Các thuyết minh này là phần không thể tách rời của các báo cáo từ trang 04 đến trang 16

20

NGÂN HÀNG TMCP NÔNG THÔN MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: đồng

2. Tiền gửi	31.236.564.854	529.698.414.854	542.026.895.865	18.908.083.843
Tiền gửi tại NHNN	26.794.459.839	104.617.190.600	129.028.468.030	2.383.182.409
Tiền gửi tại các TCTD trong nước	4.442.105.015	425.081.224.254	412.998.427.835	16.524.901.434
3. Chứng khoán đầu tư	1.032.200.000	214.400.000	-	1.246.600.000
4. Cho vay các TCKT và cá nhân trong nước bằng ĐVN	160.051.098.466	218.427.651.340	205.309.320.411	173.169.429.395
Ngắn hạn	144.546.359.906	164.895.101.900	184.348.625.506	125.092.836.300
Trung hạn, dài hạn	15.472.452.600	41.801.498.400	19.777.516.905	37.496.434.095
Dự phòng phải thu khó đòi	(425.040)	464.551.040	1.087.467.000	(623.341.000)
Cho vay vốn tài trợ ủy thác đầu tư	-	11.266.500.000	63.000.000	11.203.500.000
Các khoản nợ chờ xử lý	32.711.000	-	32.711.000	-
5. Tài sản cố định	1.589.422.423	1.293.406.501	431.040.146	2.451.788.778
Nguyên giá	2.172.112.046	1.162.841.157	180.016.984	3.154.936.219
Hao mòn	(582.689.623)	130.565.344	251.023.162	(703.147.441)
6. Sử dụng vốn khác	2.591.929.374	29.265.428.768	14.328.424.398	17.528.933.744
Góp vốn mua cổ phần	-	11.000.000.000	-	11.000.000.000
Thanh toán với ngân sách Nhà nước	544.547.982	400.576.496	544.639.408	400.485.070
Các khoản khác phải thu	-	3.507.733.904	544.925.836	2.962.808.068
Các khoản phải thu nội bộ	1.440.986.940	13.978.703.533	12.742.727.678	2.676.962.795
Khác	606.394.452	378.414.835	496.131.476	488.677.811

Các thuyết minh này là phần không thể tách rời của các báo cáo từ trang 04 đến trang 16

21

NGÂN HÀNG TMCP NÔNG THÔN MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: đồng

3.5 - Lợi nhuận

Lãi tích lũy đến 31/12/2004	3.785.552.144
Thuế thu nhập 28%	1.059.954.600
Lợi nhuận sau thuế	2.725.597.544
Trích lập các quỹ	
- Quỹ bổ sung vốn điều lệ (5%)	136.279.877
- Thuế truy thu	44.547.982
Lợi nhuận còn lại sau khi bổ sung vốn điều lệ	2.544.769.684
- Quỹ dự phòng tài chính (10%)	254.476.968
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc (5%)	127.238.484
- Quỹ khen thưởng	90.000.000
- Quỹ phúc lợi	17.454.232
- Chia lãi cổ đông	2.055.600.000

Kế toán trưởng



Đặng Thị Hoàng Phượng

Cần Thơ, ngày 12 tháng 01 năm 2006

Tổng Giám Đốc



Đinh Ngọc Sơn